

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140** /2018/HC-PT

Ngày: 02/10/2018

*“V/v Khiếu kiện các quyết định hành chính
về thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Trương Công Thi**

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đặng Thọ
Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà
Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 146/2018/TLPT-
HC ngày 19/3/2018 về việc *“Khiếu kiện các quyết định hành chính về thu hồi
đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 22/8/2017 của
Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146B/2018/QĐ-PT
ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Hồ Thị G; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh
Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê L; địa chỉ: Tổ dân
phố 18, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền ngày
14/7/2017). *Có mặt.*

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vĩnh T – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền số 2841/GUQ-UBND ngày 21/11/2016). Ông T có văn bản số 3100/UBND ngày 28/9/2018 xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Trần Thanh P – Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Thị N; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn N1; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N1: Ông Lê L; địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn ngày 16/8/2018 xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T1; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn ngày 16/8/2018 xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn M; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị M1; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh M, chị M1 là ông Lê Đình H; địa chỉ: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2018). Có mặt.

- Cháu Nguyễn Văn Đ và cháu Nguyễn Thuỳ V; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/7/2011, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã N ban hành Quyết định số 2553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân

để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã N (sau đây viết tắt là Quyết định 2553).

Ngày 21/9/2011, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 3150/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã N (sau đây viết tắt là Quyết định 3150).

Ngày 22/8/2016, UBND thị xã N có Văn bản số 1817/UBND về việc trả lời đơn của bà Hồ Thị G về việc kiến nghị xem xét lại phương án bồi thường (sau đây viết tắt là Văn bản 1817).

Ngày 08/9/2016, bà Hồ Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2553, Quyết định 3150, Văn bản 1817.

Ngày 26/6/2017, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1263/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Quyết định 2553 (sau đây viết tắt là Quyết định 1263).

Ngày 28/6/2017, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1303/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định 3150 (sau đây viết tắt là Quyết định 1303).

Tại các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hồ Thị G (là người khởi kiện), ông Lê L (là người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị G, anh Nguyễn Văn N1 và chị Phạm Thị M1), ông Nguyễn Đình T2 (là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn M) yêu cầu hủy Quyết định 2553, Quyết định 3150, Văn bản 1817, Quyết định 1263, Quyết định 1303 và trình bày:

Gia đình bà G xây dựng nhà ở và làm ăn, sinh sống trên thửa đất số 229 tờ bản đồ số 13 từ sau ngày giải phóng đất nước và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00130 ngày 25/10/2000. Từ sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày có quyết định thu hồi đất, gia đình bà G không có yêu cầu chuyển đất vườn thành đất ở. Tại thời điểm UBND thị xã N có quyết định thu hồi đất, hộ gia đình bà G có 07 nhân khẩu gồm: ông Nguyễn L (đã chết ngày 07/10/2013), bà Hồ Thị G, ông Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Phạm Thị M1, anh Nguyễn Văn M, cháu Nguyễn Thùy V, cháu Nguyễn Văn Đ (cháu V, cháu Đ là con anh M).

Sau khi chồng bà G là ông Nguyễn L chết, thấy danh sách các hộ gia đình được bồi thường hỗ trợ về dự án Trung tâm điện lực V do ông L để trong tủ, bà G

có đơn kiến nghị (vào khoảng tháng 6/2015) về việc bồi thường và nhận được Văn bản 1817 vào ngày 28/8/2016. Đến năm 2016, bà G mới được nhận Quyết định 2553. Nay bà G yêu cầu hủy Quyết định 2553 vì quyết định này được ban hành trái pháp luật. Cụ thể: quyết định do Phó chủ tịch UBND ký là không đúng thẩm quyền, không căn cứ vào quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh là không có căn cứ pháp lý, chỉ thu hồi đất của ông Nguyễn L trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00130 ngày 25/10/2000 được cấp cho hộ ông Nguyễn L và bà Hồ Thị G là không đúng đối tượng thu hồi đất.

Ngoài ra, bà G yêu cầu hủy Văn bản 1817 và Quyết định 3150 về nội dung phê duyệt phương án bồi thường về đất đối với thửa đất số 229. Các nội dung khác của Quyết định 3150 bà G đồng ý, không có yêu cầu gì. Cụ thể:

Diện tích thửa đất số 229 là 13.030m², bà G chuyển nhượng cho bà Dương Thị N 65m², trong đó có 60m² đất ở và 05m² đất trồng cây lâu năm, chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N1 764,4m², trong đó có 60m² đất ở và 704,4m² đất trồng cây lâu năm; Diện tích đất còn lại (theo hiện trạng) là 12.576,6m² nhưng UBND thị xã N chỉ phê duyệt bồi thường diện tích đất ở là 280m² và hỗ trợ 60% giá đất ở đối với 2000m² đất là không phù hợp với quy định của Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Điều 5 Quyết định số 30/2005/QĐ-UB ngày 31/5/2005, khoản 3 Điều 15 Quyết định 101/2009/QĐ-UB ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Văn bản số 1817/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 không chấp nhận đơn khiếu nại của bà G là không đúng pháp luật.

Ngày 26/6/2017, bà G nhận được quyết định 1263, ngày 28/6/2017, bà G nhận được Quyết định 1303, nay bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trước đây đồng thời yêu cầu hủy Quyết định 1263, Quyết định 1303 vì các quyết định này được ban hành không đúng thẩm quyền, trái với quy định của Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 về thẩm quyền thu hồi đất, trái với quy định của Điều 130 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà G, ông Long đã giao nộp các bản sao: Quyết định 2553, Quyết định 3150, Văn bản 1817, Quyết định 1263, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L475301 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00130/QSDĐ/NP-NH ngày 25/10/2000, sổ hộ khẩu gia đình, các bản pho to: các Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 06/12/2012, Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND thị xã N về việc phê duyệt, phê duyệt bổ sung kinh

phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V, xã N, thị xã N, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của ông Nguyễn L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Quyết định số 2553 và Quyết định số 3150 có nội dung thu hồi đất của ông Nguyễn L, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn L là có sai sót nên các Quyết định 1263 và Quyết định 1303 đã điều chỉnh lại đối tượng bị thu hồi đất và đối tượng được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là hộ ông Nguyễn L và bà Hồ Thị G.

Diện tích đất thửa số 229 hộ gia đình bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 13.030m². Sau khi chuyển nhượng cho bà Nga và anh N1, diện tích đất còn lại của hộ bà G tại thửa 229 là 12.576,6m². UBND thị xã N đã phê duyệt bồi thường về đất ở cho bà G trên cơ sở pháp lý là Quyết định 101/2009/QĐ-UB ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa (quy định về bồi thường đất đối với các trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước Luật đất đai năm 2003, diện tích đất ở được xác định theo hạn mức đất ở quy định tại Quyết định số 30/2005/QĐ-UB ngày 31/3/2005 của UBND tỉnh Khánh Hòa). Theo các quy định này, thửa đất số 229 của hộ bà G có hạn mức đất ở là 400m², bà G đã chuyển nhượng 120m² đất ở (chỉ bằng hình thức giấy viết tay chưa qua các thủ tục theo quy định của pháp luật) nên diện tích đất ở hộ gia đình bà G được bồi thường tại thửa đất này là 280m². Các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định 3150 đều được xem xét quyết định đối với hộ gia đình ông Nguyễn L, bà Hồ Thị G theo số nhân khẩu ghi trong sổ hộ khẩu gia đình theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Văn bản số 1817/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N trả lời đơn kiến nghị của bà G là đúng pháp luật.

Nay UBND thị xã N và Chủ tịch UBND thị xã N không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên các quyết định nêu trên.

Bà Dương Thị N và các anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 đã nhiều lần được tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 22/8/2017 của
Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:**

Căn cứ các Điều 39, 41, 42 và 44 Luật Đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 57, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu của bà Hồ Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã N, Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã Ninh Hoà, Văn bản số 1817/UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N trả lời đơn của bà Hồ Thị G về việc kiến nghị xem xét lại phương án bồi thường, Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND thị xã N; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND thị xã N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2017, người khởi kiện bà Hồ Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Hồ Thị G do ông Lê L đại diện theo ủy quyền giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa do ông Nguyễn Vĩnh Thạnh đại diện theo ủy quyền. Tại văn bản xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Vĩnh Thạnh không thể hiện việc rút Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N; Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N, Văn bản số 1817/UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N, Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N. Ông Lê L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy các quyết định và văn bản nói trên của Ủy ban nhân dân thị xã N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N.

Ông Lê L cho rằng diện tích đất của gia đình bà Hồ Thị G tại thửa đất số 229 là 13.030m², bà G chuyển nhượng cho bà Dương Thị N 65m², trong đó có 60m² đất ở, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N1 764,4m², trong đó có 60m² đất ở, còn lại 12.576,6m² nhưng Ủy ban nhân dân thị xã N chỉ bồi thường diện tích đất ở là 280m² và hỗ trợ 60% giá đất ở đối với 2000m² đất là không phù hợp mà phải bồi thường toàn bộ là đất ở mới đúng. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của bà Hồ Thị G là không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghe người khởi kiện, người bị kiện trình bày, căn cứ vào các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 và Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất ông Nguyễn L là không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L475301 ngày 25/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện N (nay là Ủy ban nhân dân thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn L, bà Hồ Thị G. Việc sai sót này đã được Ủy ban nhân dân thị xã N điều chỉnh tại các Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 và Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 đối với hộ ông Nguyễn L và bà Hồ Thị G.

[2]. Xét nội dung phê duyệt bồi thường, hỗ trợ thì thấy: Ông Lê L thừa nhận hộ bà Hồ Thị G có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N1 diện tích đất 764,4m², trong đó có 60m² đất ở và chuyển nhượng cho bà Dương Thị N 65m², trong đó có 60m² đất ở. Do đó Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường diện tích đất ở cho hộ ông Nguyễn L và bà Hồ Thị G là 280m² (400m² – 120m²) và phê

duyet hỗ trợ 60% giá đất ở đối với 2000m² là đúng theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Việc ông Lê L yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường toàn bộ 12.576,6m² đất ở cho hộ bà Hồ Thị G là không có cơ sở. Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử bác đơn khởi kiện của bà Hồ Thị G về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011, số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011, số 1263/QĐ-UBND ngày 26/6/2017, số 1303/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N và văn bản số 1817/UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Hồ Thị G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị G và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 39, 41, 42 và 44 Luật Đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 57, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính,

Bác đơn khởi kiện của bà Hồ Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã N, Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm điện lực V xã N, thị xã Ninh Hoà, Văn bản số 1817/UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N trả lời đơn của bà Hồ Thị G về việc kiến nghị xem xét lại phương án bồi thường, Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND thị xã N; Quyết định số 1303/QĐ-UBND

ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND thị xã N.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị G phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000đ bà Hồ Thị G đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000305 ngày 15/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm